TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/DS-ST
Ngày: 17 - 12 - 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2018/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Kiều Bích L, sinh năm 1979. Địa chỉ ấp B, xã P, huyện R, tỉnh G (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1967 (vắng mặt);

2.2. Ông Diệp Thanh H1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện R, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2018 và biên bản hòa giải ngày 24/8/2018, nguyên đơn bà Kiều Bích L trình bày:**

Trước đây bà Nguyễn Cẩm H và ông Diệp Thanh H1 có tham gia chơi hụi do bà làm chủ, bà H và ông H1 tham gia 04 chân hụi. Đến nay đã mãn hụi nhưng bà H, ông

H1 còn thiếu bà số tiền hụi là 60.000.000đ, tiền vay là 14.416.000đ, tổng cộng 74.416.000đ đến nay chưa thanh toán.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Cẩm H và ông Diệp Thanh H1 phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 74.416.000đ. Không yêu cầu tính lãi.

*** Tại bản tự khai ngày 10/8/2018 và biên bản hòa giải ngày 24/8/2018, bị đơn bà Nguyễn Cẩm H trình bày:**

Bà thừa nhận còn thiếu bà L số tiền hụi và tiền vay là 74.416.000đ. Việc tham gia hụi chỉ mình bà tham gia, chồng bà là ông Diệp Thanh H1 không tham gia. Nay do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần cho bà L, 04 tháng trả 01 lần, mỗi lần 4.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

*** Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/9/2018, nguyên đơn bà Kiều Bích L trình bày:**

Bà H, ông H1 có tham gia chơi các chân hụi mùa do bà làm chủ, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 10.000.000đ, áp ngày 19/02/2015, mãn hụi ngày 25/02/2021 nhưng kể từ ngày 25/6/2018 thì vợ chồng bà H, ông H1 không đóng hụi nữa. Tính đến ngày mãn hụi vợ chồng bà H, ông H1 phải đóng cho bà số tiền 60.000.000đ.

+ Dây hụi 5.000.000đ, áp ngày 19/02/2015, mãn hụi ngày 25/10/2019 nhưng kể từ ngày 25/6/2018 thì vợ chồng bà H, ông H1 không đóng hụi nữa. Tính đến ngày mãn hụi vợ chồng bà H, ông H1 phải đóng cho bà số tiền 25.000.000đ.

+ Dây hụi 5.000.000đ vợ chồng bà H tham gia 02 chân, áp ngày 19/6/2014, mãn hụi ngày 25/6/2019 nhưng kể từ ngày 25/6/2018 thì vợ chồng bà H, ông H1 không đóng hụi nữa. Tính đến ngày mãn hụi vợ chồng bà H, ông H1 phải đóng cho bà số tiền 40.000.000đ.

Tổng cộng số tiền 03 dây hụi vợ chồng bà H, ông H1 chưa đóng là 125.000.000đ.

Do đó, bà yêu cầu ông Diệp Thanh H1 và bà Nguyễn Cẩm H phải đóng tiền hụi cho bà kể từ ngày 25/6/2018 đến khi mãn hụi là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà Nguyễn Cẩm H và ông Diệp Thanh H1 phải trả tiền hụi là 185.000.000đ (Trong đó, tiền hụi đã mãn là 60.000.000đ, tiền hụi chưa mãn là 125.000.000đ) và tiền vay còn thiếu là 14.416.000đ. Tổng cộng là 199.416.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ông Diệp Thanh H1 và bà Nguyễn Cẩm H vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó,

căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện R, tỉnh G nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

Về quan hệ tranh chấp: Bà L khởi kiện yêu cầu bà H và ông H1 trả cho bà tiền hụi và tiền vay còn thiếu, đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà L khởi kiện yêu cầu bà H và ông H1 trả cho chị số tiền hụi đã mãn còn thiếu là 60.000.000đ, tiền vay còn thiếu là 14.416.000đ và tiền hụi chưa mãn phải đóng là 125.000.000đ. Không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của bà L thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có thiếu bà L số tiền hụi đã mãn còn thiếu là 60.000.000đ, tiền vay còn thiếu là 14.416.000đ. Tổng cộng là 74.416.000đ. Do đó, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật.

Từ khi vay tiền đến nay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi đến nay bà H, ông H1 (là hụi viên) không thực hiện nghĩa vụ góp hụi số tiền 60.000.000đ cho bà L (là chủ hụi) nên đã vi phạm Điều 29 của Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về "Họ, hụi, biêu, phường" và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét việc yêu cầu đòi tiền hụi 125.000.000đ chưa mãn của bà L thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có tham gia hụi nếu mãn thì nợ nợ L số tiền này, do bà đã hốt hụi nên phải đóng hụi chết. Trong thời gian chờ giải quyết thì bà H cùng chồng là ông H1 lánh mặt khỏi địa phương, chứng tỏ ông bà không có thiện chí trả số hụi này nên bà L yêu cầu ông bà phải trả luôn phần hụi chưa mãn này là hoàn toàn có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Ông Diệp Thanh H1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng ông không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông là chồng của bà H nên phải có trách nhiệm trả nợ cho bà L cùng với bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những căn cứ trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Kiều Bích L, buộc bà Nguyễn Cẩm H và ông Diệp Thanh H1 phải trả cho bà L số tiền là 199.416.000đ, không tính lãi.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H và ông H1 không trả đủ số tiền trên thì bà H và ông H1 còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.860.000đ (Một triệu tám trăm sáu chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002737 ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R và tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007199 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bà Nguyễn Cẩm H và ông Diệp Thanh H1 phải chịu án phí dân sự giá ngạch 5% x 199.416.000đ = 9.970.800đ (Chín triệu chín trăm bảy chục nghìn tám trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

- Điều 29 của Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về "Họ, hụi, biêu, phường";

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Bích L. Buộc bà Nguyễn Cẩm H và ông Diệp Thanh H1 phải trả cho bà Liên số là 199.416.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H và ông H1 không trả đủ số tiền trên thì bà H và ông H1 còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về án phí: Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.860.000đ (Một triệu tám trăm sáu chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002737 ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R và tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007199 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bà Nguyễn Cẩm H và ông Diệp Thanh H1 phải chịu án phí dân sự giá ngạch 5% x 199.416.000đ = 9.970.800đ. (Chín triệu chín trăm bảy chục nghìn tám trăm đồng).

[3]. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 17/12/2018. Bà H và ông H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu.